ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1075 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 14 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong diện tích đất của dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1 - TDA tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 221/TTr-SNNMT ngày 13/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong diện tích đất của dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1 - TDA tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Tên tổ chức nộp tiền: Ban Quản lý dự án cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Môi trường *(địa chỉ: số 118, đường Ba Sơn, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:

a) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Q = 136.948,16 m^3. Trong đó: Trữ lượng khai thác khoáng sản tại huyện Văn Quan, Q_1 = 85.184,74 m^3; Trữ lượng khai thác khoáng sản tại huyện Bình Gia, Q_2 = 45.873,18 m^3; Trữ lượng khai thác khoáng sản tại huyện Tràng Định, Q_3 = 5.890,24 m^3.

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, G = 45.150 đồng/m^3.

c) Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác, K_1 = 0,9.

d) Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, K_2 = 0,9.

đ) Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, R = 3%.

3. Tổng số tiền phải nộp: 150.252.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng)*.

4. Địa phương nơi nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Huyện Văn Quan: 93.460.000 đồng.

b) Huyện Bình Gia: 50.329.000 đồng.

c) Huyện Tràng Định: 6.462.000 đồng.

5. Tổng số lần nộp: 01 lần.

6. Thời gian bắt đầu nộp: theo thông báo của cơ quan Thuế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục thuế Khu vực VI có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP và điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định số 10/2025/NĐ-CP.

2. Kho bạc nhà nước Khu vực VI thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị định số 10/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Ban Quản lý dự án cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định của UBND tỉnh và thông báo của Chi cục Thuế Khu vực VI; gửi 01 bản giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các huyện: Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để theo dõi, giám sát.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của số liệu, tài liệu, hồ sơ và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục thuế Khu vực VI; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực VI; Chủ tịch UBND các huyện: Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định; Giám đốc Quản lý dự án cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh